

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2022
“*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thu Hương;

Ông Bế Văn Sự.

Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trần Tuấn P, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã H, huyện H1, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992, vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội B, P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Trần Tuấn P trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau,

có sự cưới hỏi, chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống. Ngày 21/3/2019 cả hai anh chị được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2021 thì chị T đi ngoại tình với người đàn ông khác nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình, tình cảm vợ chồng từ đó không còn, vợ chồng sống không còn hòa hợp nên vợ chồng cãi vã và không tìm được tiếng nói chung, luôn sống bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ nhà đi chung sống với người đàn ông khác tại Khu M xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn yêu thương chăm sóc ai, anh P tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để anh có cơ hội xây dựng cuộc sống mới. Về con chung: Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Á, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2019, khi ly hôn anh P có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Nguyễn Trần Tuấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T dù biết việc chồng yêu cầu xin ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 273; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần Tuấn P xin ly hôn với chị Phạm Thị T; về con chung: Giao con cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Bảo Á, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Trần Tuấn P và chị Phạm Thị T có đăng ký tạm trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị T theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Trần Tuấn P và chị Phạm Thị T tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ ngày 21/3/2019. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án anh Phương xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T có mối quan hệ khác do đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Nguyễn Trần Tuấn P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại trưởng Thôn B, xã Đ và Công an xã Đào Viên cho biết, chị T đăng ký tạm trú tại Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, thời gian gần đây không có mặt tại địa phương và đi đâu không rõ; xác minh, qua kiểm tra, Công an xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng cho biết trong dữ liệu, sổ sách không có tên đăng ký tạm trú mang tên Phạm Thị T tại khu M xã T cũng như tại địa bàn xã T.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng sống ly thân với nhau không quan tâm đến nhau, về tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, xử cho anh Nguyễn Trần Tuấn P được ly hôn chị Phạm Thị T.

[8] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Á, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2019. Hiện nay cháu đang ở với anh P và do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, cần giao cháu cho anh Nguyễn Trần Tuấn P chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phạm Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[9] Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức..., đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Trần Tuấn P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 51; khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 228; 238; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trần Tuấn P, xử cho anh Nguyễn Trần Tuấn P được ly hôn với chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Â, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2019 cho anh Nguyễn Trần Tuấn P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; vay nợ; công sức...: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Trần Tuấn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006276 ngày 15/11/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận anh Nguyễn Trần Tuấn P đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn,
Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- UBND xã H, huyện H1, Phú Thọ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nông Thị Hồng Thắm

Bế Văn Sự

Bàn Văn Tiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn,
Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- UBND xã H, huyện H1, Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền

